



TÌM HIỂU DÂN CƯ VÀ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA CỦA DÂN TỘC KHMER, CHĂM, HOA Ở AN GIANG

Nguyễn Thị Ngọc Thơ¹

¹Trường Phổ thông Thực hành Sư phạm, Trường Đại học An Giang

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 10/04/14

Ngày nhận kết quả bình duyệt:
27/08/14

Ngày chấp nhận đăng: 06/15

Title:

Residents and traditional culture of Khmer, Cham and Chinese people in An Giang province

Từ khóa:

Dân tộc Khmer, Chăm, Hoa, giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa truyền thống

Keywords:

Khmer ethnic, Cham ethnic, Chinese ethnic, traditional cultural values, identical traditional culture

ABSTRACT

An Giang, a Southwest frontier province, has the highest population in Mekong Delta and the sixth in Vietnam. Its population comprises many ethnics such as Khmer, Cham and Chinese with their crowded residents and unique culture. This paper aims to analyze the traditional value of Khmer, Cham and Chinese ethnics and to find out their contribution of establishment and development of the core values and unique identical traditional culture of An Giang province in particular and Mekong Delta in general.

TÓM TẮT

An Giang là một tỉnh biên giới ở miền Tây Nam Bộ, có số dân đông nhất Đồng bằng sông Cửu Long và đứng hàng thứ 6 cả nước với nhiều dân tộc sinh sống, trong đó có ba dân tộc thiểu số có số dân đông và có truyền thống văn hóa với những nét độc đáo riêng mình, đó là dân tộc Khmer, Chăm, Hoa. Bài viết này sẽ phân tích những giá trị truyền thống của dân tộc Khmer, Chăm, Hoa và chỉ ra những đóng góp của chúng trong việc góp phần hình thành và phát triển các giá trị cốt lõi và bản sắc văn hóa độc đáo truyền thống cho miền đất An Giang nói riêng và Đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

1. DẪN NHẬP

An Giang là một trong sáu tỉnh đầu tiên ở Nam Kỳ lục tỉnh vào thời nhà Nguyễn độc lập, thành lập năm 1832 dưới triều vua Minh Mạng, nhưng bị giải thể dưới thời Pháp thuộc, sau đó chính quyền Việt Nam Cộng hòa tái lập, tồn tại từ cuối năm 1956 cho đến ngày nay. An Giang có diện tích tự nhiên là 3.536,7 km², trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 279.966 ha, đất lâm nghiệp là 14.826 ha. Tỉnh có 02 thành phố, 01 thị xã, 08 huyện với 156 xã, phường, thị trấn (Ban Dân tộc tỉnh An Giang, 2014). Theo báo cáo gần đây nhất, ngày 28/01/2015 của Tỉnh ủy An Giang, dân số toàn tỉnh là hơn 2,15 triệu người (Tỉnh ủy An Giang, 2015, tr.1), với 524.159 hộ, mật độ dân số 609 người/km². Trong đó, dân tộc Kinh chiếm đa số với 1.934.113 người, trong tổng số 474.124 hộ, chiếm 94,74%. 28 dân tộc còn lại với 119.219/28.481 hộ, chiếm 5,26% so với dân số

toàn tỉnh, gồm: dân tộc Khmer có 93.717 người, chiếm 4,2 dân số toàn tỉnh; dân tộc Chăm có 15.327 người, chiếm 0,67%; dân tộc Hoa có 10.079 người, chiếm 0,38% và 25 dân tộc thiểu số khác với tổng số 96 người sinh sống trên địa bàn tỉnh An Giang (Ban Dân tộc tỉnh An Giang, 2014). Toàn tỉnh có 24.011 hộ dân tộc thiểu số, với 114.632 người, chiếm 5,17% tổng dân số toàn tỉnh. Với số lượng dân cư nói trên, hiện nay, An Giang vẫn là tỉnh có dân số đông nhất Đồng bằng sông Cửu Long.

2. DÂN CƯ VÀ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA

2.1 Dân tộc Khmer

Dân tộc Khmer ở An Giang có 93.717 nhân khẩu, chiếm 4,2 dân số toàn tỉnh với 22.791 hộ, (năm 2009: 86.592 người, 18.512 hộ), chiếm tỷ lệ 75,54% so tổng số người dân tộc thiểu số và chiếm 3,9% so tổng dân số toàn tỉnh (Ban Dân tộc

tỉnh An Giang, 2014). Hiện tại, người Khmer có 66 chùa Phật giáo Nam tông, 47 chùa phái Mahanikai và 19 chùa Thomadút. Có 09 Hòa thượng, 12 Thượng tọa, 35 Đại đức, 1.100 sư sãi, 65 Ban Quản trị (Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, 2011). Theo thống kê năm 1924, cộng đồng Khmer ở Tri Tôn và Tịnh Biên là 36.030 người, chiếm 21,8% số dân tỉnh Châu Đốc (Đại chí An Giang, tr.833). Năm 1946, cũng tại Châu Đốc, “*họ đại diện cho ¼ số dân, nghĩa là 40.000 người Khmer đối với 168.000 người Việt*” [Louis Malleret, 1964, tr.3).

Đa số người dân Khmer An Giang sống liền kề chân núi hoặc vùng đất giồng, gò cao, tập trung ở 2 huyện miền núi: Tri Tôn và Tịnh Biên, số còn lại sống rải rác ở các huyện: Châu Phú, Châu Thành, Thoại Sơn (An Giang, http://vi.wikipedia.org/wiki/An_Giang). Một điểm khác biệt của người Khmer ở An Giang là họ sống chủ yếu ở các Phum (và cố giữ địa trạng của nó từ 3 đến 7 Phum thành 01 ấp, nhiều ấp thành một xã), hiếm thấy ở Sóc như người Khmer Tây Nam Bộ khác. Phum của người Khmer An Giang thuộc hình thái Phum lớn với quy mô hàng trăm nhà, gồm nhiều dòng họ, tập hợp theo từng *chòm nhà* (*Đop đol mool phol ptek*) - *Phum nhỏ*, thể hiện kiểu cư trú theo huyết thống mà chủ yếu là dòng nữ. Người Khmer An Giang xây cất nhà chủ yếu theo 3 kiểu: Nhà sàn, nhà có gác (cải tiến từ nhà cũ), nhà đất (phổ biến nhất). Người Khmer An Giang rất ít xây công, hàng rào quanh nhà, cho nên ranh giới chòm nhà (*Đop đol mool phol ptek*) hay Phum chủ yếu là quy ước qua nhiều thế hệ.

Trang phục truyền thống của người Khmer An Giang thường có màu sắc rực rỡ. Tuy nhiên, hiện nay chúng thấy kiểu trang phục truyền thống này chủ yếu trong các lễ hội, lễ cưới. Chẳng hạn, trong lễ cưới, cô dâu và chú rể đều mặc xăm pốt hôl tức là xăm pốt chon kro beng, kéo thân vạt trước luồn giữa hai chân, vòng ra sau lưng giắt mỗi, giống quần phông. Cô dâu trong trang phục cưới ngoài xăm pốt hôl còn có áo ngắn bó chên, tây phông hoặc hở vai (xapây), chiếc mũ cưới đội đầu (kpal plop) hình tháp bằng kim loại mạ vàng óng ánh. Mái tóc cô dâu được cài trâm và hoa vải nhiều màu sắc sỡ, cổ đeo chuỗi vàng, tay, cổ chân với những vòng vàng to được chạm khắc tinh xảo, tai đeo bông tạo nên hình ảnh cô dâu lộng lẫy. Còn chú rể mặc áo truyền thống cổ đứng, tay dài, cài thắt lưng với miếng dải lụa chéo qua người, thể hiện sự trang trọng.

Về tín ngưỡng, tôn giáo, đời sống văn hóa tinh thần người Khmer An Giang khá phong phú. Đồng bào dân tộc Khmer còn lưu truyền một số tín ngưỡng dân gian như thờ vạn vật hữu linh: Thần Át rất bảo vệ nhà, gia đình, dòng tộc, thần Neak Tà của Sóc hay địa phương, có đẳng cấp cai quản cao, rộng lớn hơn, bảo hộ khu vực cư trú người dân trong vùng đất An Giang. Theo quan niệm của người Khmer An Giang, Neak Tà có nhiều bậc, tên gọi gắn liền với tên động, thực vật. Tuy nhiên, vị thần được tôn vinh cao nhất là Neak Tà chủ Sóc, Neak Tà Chùa. Hầu hết người Khmer An Giang theo Phật giáo Nam tông (riêng ở Tây Nam Bộ chiếm khoảng 90%). Có thể nói, Phật giáo Nam tông có ảnh hưởng sâu sắc trên mọi mặt đến đời sống con người, trở thành cấu trúc bên trong, góp phần làm nên bản sắc văn hóa của người Khmer. Do vậy, khi nói đến văn hóa truyền thống của người Khmer không thể không xem xét nó trong quan hệ gắn bó với Phật giáo Nam tông. Người Khmer có nhiều lễ hội truyền thống và lễ hội tôn giáo: Pithi Chol Chnam Thmay (Lễ vào năm mới), Pithi Sene Dolta (Lễ cúng ông bà), Okombok (Lễ đút cơm dẹp), Um tuk (Đua ghe Ngo), Bon kâm san srok (Lễ Cầu an); Phật Đản (Bon Pisakh Bâucha), Nhập hạ (Bon Châul Vâssa), Xuất hạ (Bon Chên Vâssa), Dâng y (Kathina), Kiết giới Sima (Bon Banh Chos Xây Ma). Hầu hết các lễ hội của người Khmer từ lễ hội dân tộc cho đến lễ hội tôn giáo đều gắn bó với ngôi chùa. Các nghi thức trong lễ hội truyền thống của người Khmer nói chung đều có dấu ấn của đạo Phật. Dấu ấn đó còn thể hiện ở chỗ, các lễ hội đều gắn với một câu chuyện, truyền thuyết hay sự tích nào đó của Phật giáo Nam tông.

Một giá trị truyền thống khác của đồng bào Khmer ở An Giang cũng như ở Đồng bằng sông Cửu Long là làm phước, tích đức, hướng thiện. Nhiều phong tục, tập quán trở thành nét đẹp trong truyền thống văn hóa, biểu hiện ra trong lối sống của người Khmer vẫn còn lưu giữ đến ngày nay. Chẳng hạn, họ quan niệm đi tu là giai đoạn quan trọng của đời người, là một tiêu chí quan trọng để xem xét mặt đạo đức, tác phong và văn hóa của mỗi người. Người Khmer quan niệm: “Người không được tu trong chùa là người có nhiều tội lỗi trong đời sống”. Do vậy, con trai dân tộc Khmer để được xem là đủ tư cách, phẩm hạnh đều phải trải qua thời gian tu học ở chùa. Người Khmer tự nguyện đến chùa, coi đó là việc làm cao cả. Theo họ, tu đạt bậc Tỷ Kheo đền ơn cha, tu đạt bậc Sa

di để đền ơn mẹ. Chính vì vậy, trong vòng đời, khi sinh ra, người Khmer được các sư sãi làm lễ cầu an. Đến lúc trưởng thành được các sư độ trì. Khi chết, người Khmer hỏa thiêu, nhập cốt vào tháp. Cho nên, có thể thấy, cuộc đời của người Khmer gắn liền với ngôi chùa. Điều này lý giải cho triết lý nhân sinh “sống gửi thân, chết gửi cốt” vào chùa của người Khmer.

Tóm lại, Phật giáo Nam tông đã trở thành một yếu tố quan trọng, góp phần hình thành các giá trị cốt lõi của truyền thống văn hóa của đồng bào Khmer An Giang nói riêng và của Đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Đời sống tinh thần và thiết chế cộng đồng người Khmer An Giang gắn liền với ngôi chùa (toàn tỉnh có 65 ngôi chùa), sư sãi có vai trò, vị trí quan trọng đối với dân tộc Khmer, biểu hiện trong việc điều hòa các mối quan hệ, tạo mối đoàn kết, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng làng quê ngày càng tiến bộ.

2.2 Dân tộc Chăm

Theo thống kê gần đây nhất, năm 2014, dân tộc Chăm ở An Giang có 15.327 nhân khẩu, chiếm 0,67% dân số toàn tỉnh với 3.434 hộ (năm 2009: 13.722 người, chiếm tỷ lệ gần 12% so tổng số người dân tộc thiểu số và chiếm 0,62% so tổng dân số toàn tỉnh) (Ban Dân tộc tỉnh An Giang, 2014). Trong đó có 12 Hakim (giáo cả); 22 Naib (phó giáo cả); 13 Ahly và 116 chức việc; 12 Thánh đường và 16 tiêu Thánh đường (Tỉnh ủy An Giang, 2013).

Người Chăm ở An Giang được gọi là “Chăm Islam An Giang” (trong tiếng Ả Rập, từ “Islam” (إسلام) có nghĩa là Hồi giáo). Người Chăm Islam ở Nam Bộ nói chung và An Giang nói riêng được hình thành từ hai nguồn gốc chủ yếu: 1) Từ Trung Bộ chuyển cư thẳng vào; 2) Một phần không nhỏ khác do chiến tranh loạn lạc phải chạy sang Chân Lạp, sau đó trở về vùng đất Tây Nam này. Hiện nay, cộng đồng người Chăm ở An Giang có 15.157 nhân khẩu (2013), khoảng 2.800 hộ, sống chủ yếu tập trung ở các Puk (ấp), Polây (xã) xen kẽ với người Kinh. Người Chăm An Giang sống khá đông ở huyện An Phú và thị xã Tân Châu, tập trung chủ yếu thành làng, dọc bờ sông Hậu, từ Châu Đốc đến biên giới Campuchia: Châu Giang, Châu Phong, Đa Phước, Búng Bình Thiên,... Số ít còn lại sống rải rác ở các huyện: Phú Tân, Châu Phú và Châu Thành.

Dưới đời vua Minh Mạng, tội phạm lưu đày phần lớn gom về vùng Vĩnh Tế để lập các xóm dọc bờ

kênh, dần dần hình thành vùng dân cư. Nguyễn Tri Phương, khi làm kinh lược sứ ở miền Nam, đã có sáng kiến lập đồn điền biên giới nhằm ngăn giặc, yên dân, tập trung ở vùng Châu Đốc, Hà Tiên. Năm 1854, Nguyễn Tri Phương báo cáo đã thành lập được 21 cơ đồn điền. Hai năm sau, tỉnh An Giang và Hà Tiên đã chiêu mộ được 1.646 dân đinh, lập 159 thôn ấp. Trong thời gian này, người Chăm ở ngang chợ Châu Đốc (Đa Phước thuộc An Phú và Châu Phong thuộc Tân Châu ngày nay) tập trung thành từng đội, do một viên Hiệp quản đứng đầu. Từ Chân Lạp, người Chăm rút về nương náu trong lãnh thổ Việt Nam để tránh loạn lạc nội chiến, rồi định cư ở Tân Châu, An Phú cho đến bây giờ. Thời gian này, những người theo đạo Thiên Chúa lánh nạn kỳ thị tôn giáo của vua quan nhà Nguyễn từ miền ngoài, đến cù lao Giêng (1778), Bò Ót (1779) và Năng Gù (1845), do vậy đã làm tăng thêm một phần dân số vùng đất An Giang bây giờ.

Trải qua những biến đổi kinh tế, chính trị, xã hội, người Chăm hòa nhập với cộng đồng các dân tộc: Kinh, Hoa, Khmer cùng chung sống, giao lưu, tiếp biến văn hóa lẫn nhau. Mặc dù có những biến đổi nhất định, song nhìn chung dân tộc Chăm vẫn giữ được những giá trị văn hóa truyền thống của mình. Có thể nhận ra điều này qua hàng loạt lễ hội truyền thống của người Chăm như: Lễ mừng sinh nhật giáo chủ Mohammed, Lễ Ramadan, Lễ hội Roya, Lễ Tạ ơn, Lễ Cầu an, Lễ hội Đua ghe ngo,... Ngoài ra, dưới sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, người Chăm còn tổ chức nhiều lễ hội khác: Ngày hội Văn hóa dân tộc Chăm Búng Bình Thiên (thường tổ chức dịp 2-9 hằng năm ở huyện An Phú), Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch dân tộc Chăm tỉnh An Giang (thường tổ chức 2 năm một lần tại huyện trong tỉnh có người Chăm sinh sống).

Sinh hoạt trong đời sống thường ngày của người Chăm An Giang mang nét riêng. Thu nhập chính của họ là các ngành nghề nông nghiệp, sản xuất thủ công, nổi tiếng là dệt thổ cẩm với thương hiệu Lụa Tân Châu được duy trì, phát triển trong sản xuất làm hàng may mặc, quà lưu niệm, đánh bắt thủy sản (người Chăm ở đây rất giỏi nghề chài lưới, người Chăm không ăn thịt lợn), một số khác đi buôn bán khắp các nơi ở miền Tây và thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tập quán của người Chăm có từ rất lâu đời.

2.3 Dân tộc Hoa

Dân tộc Hoa ở An Giang có 10.079 nhân khẩu, chiếm 0,38% dân số toàn tỉnh với 2.226 hộ [Ban Dân tộc tỉnh An Giang, 2014]. Người Hoa ở An Giang hiện nay có 03 Hội Tương tế, gồm thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu với 500 hội viên; có 19 chùa, 08 miếu và 01 phủ thờ tại nghĩa trang nhưng đang chờ xem xét công nhận (Năm 2009: 14.318 người, 2.839 hộ, chiếm tỷ lệ 12,50% so với tổng số người dân tộc thiểu số và chiếm 0,65% tổng dân số toàn tỉnh) (Ban Tôn giáo tỉnh An Giang, 2011).

Năm 1679, nhóm “Bà Mãn phục Minh” người Hoa sang tập trung ở ba nơi chính: Biên Hòa, Gia Định, Mỹ Tho do Trần Thắng Tài, Dương Ngạn Địch dẫn đầu. Đầu thế kỷ XVIII, nhóm Mạc Cửu đến Mang Khảm, sau đó lập xứ Hà Tiên. Cùng với luồng di dân, người Hoa đến An Giang khá sớm. Thật vậy, đầu thế kỷ XVIII, một bộ phận người Hoa theo Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh định cư tại xã Mỹ Luông, thị trấn Chợ Mới ngày nay, sau đó là Tân Châu, Châu Phú. Người Hoa đến An Giang có nguồn gốc chủ yếu từ miền Nam Trung Quốc, thuộc 7 phủ của tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, đảo Hải Nam, An Huy. Tuy nhiên, người Hoa vào An Giang bằng hai con đường: một là, từ Trung Quốc thẳng vào Việt Nam; hai là, từ Campuchia sang, định cư chủ yếu ở xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên (Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, tr. 868).

Đa số người Hoa có tín ngưỡng dân gian đa thần. Họ mang theo tín ngưỡng này đến vùng đất mới sinh sống, thể hiện qua thờ cúng: Quan Công Võ Thánh, Bảo Sanh, Tam Sơn Quốc Vương, Tề Thiên Đại Thánh... Họ xây dựng nhiều ngôi Miếu trang nghiêm để thờ: Quan Công Võ Thánh (nhân vật được tôn là “tuyệt nghĩa” trong truyện Tam Quốc diễn nghĩa của La Quán Trung, nên người Hoa cầu mong như là một khát vọng cái chính nghĩa, một đức tính cao quý), ông Bồn (Cầu Tam Sơn Quốc Vương, với niềm tin trấn áp tà khí, tiêu trừ bệnh tật, ở Long Xuyên), bà Thiên Hậu Thánh Mẫu (được mệnh danh là “Bà Chúa của sông nước, biển cả”, cầu mong sự bình an, đầu xuôi đuôi lọt, ở Châu Đốc), Bắc Đẩu, Trạch Tôn Vương... Trong nhà, ngoài bàn thờ tổ tiên, họ còn thờ Thần Tài, Táo Quân, Thần Đất, Thần Cửa... với quan niệm phù hộ gia đình giàu có, mai mắn, yên vui... Ở xã Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, người Hoa đã xây miếu Vệ Thủy để thờ cúng, tỏ lòng biết ơn Đỗ Đăng Tàu và Lê Văn Sanh đã gia

nhập nghĩa quân của Trần Văn Thành kháng Pháp đã anh dũng hy sinh tại trận đánh ở Láng Linh – Bãi Thửa bảo vệ người dân trong vùng. Cũng như một số dân tộc khác, người Hoa cũng có tín ngưỡng vật linh, họ thờ thần Hồ, Ngũ Cốc Thánh Chủ... với niềm tin sẽ được nhiều may mắn trong sản xuất nông nghiệp. Có thể nói, những ngôi miếu thờ các vị thánh là hiện thân cho niềm tin, khát vọng, tinh thần đoàn kết dân tộc của người Hoa cùng chung sống góp sức vào sự phát triển phồn vinh của xã hội.

Phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của người Hoa An Giang một mặt thể hiện nét truyền thống, mặt khác thể hiện tính giao lưu, tiếp biến với văn hóa của người Kinh, Khmer. Người Hoa có nhiều tập tục, lễ hội, tết như: Nguyên Đán, Đoàn Ngo, Trung Thu, Thanh Minh, v.v... Cộng đồng người Hoa tại thành phố Châu Đốc thường xuyên tổ chức những hoạt động, tập trung khá đông người tham gia như lễ Thanh Minh vào tháng ba âm lịch, lễ Vu Lan (người Triều Châu gọi là Xít Câu) vào tháng bảy âm lịch. Lễ Vu Lan là lễ hội rất quan trọng đối với người Hoa, vì đó là dịp mọi người có thể thể hiện lòng hiếu kính đối với tổ tiên, ông bà. Ngoài ra, người Hoa còn chú trọng đến lễ Thanh Minh. Những ngày này, đồng bào người Hoa khu vực Châu Đốc đi tảo mộ chung quanh khu vực núi Sam, tạo nên một không gian như một lễ hội các dân tộc khác. Có người cho rằng, không gian ấy đúng như Nguyễn Du mô tả trong Truyện Kiều “Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh” với “ngựa xe như nước, áo quần như nêm”. Tất cả hoạt động này cho thấy một nét đẹp, một giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của đồng bào người Hoa ở An Giang. Quan tâm đến sinh hoạt văn hóa lễ hội các dân tộc, chính quyền An Giang thường tổ chức các chương trình liên hoan văn hóa 4 dân tộc Kinh, Hoa, Chăm, Khmer theo từng chủ đề, thời điểm khác nhau nhằm kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc anh em.

Người Hoa xây nhà với những nét đặc trưng mà chúng ta có thể dễ dàng nhận ra. Nếu là nhà gỗ truyền thống, nó thường được chạm khắc họa tiết rất công phu với ba gian rộng. Cửa ra vào, người Hoa thường dán (giấy đỏ, chữ vàng) hoặc khắc chữ câu đối bằng chữ Hán màu vàng. Vào dịp Tết, các tấm liễn được thay mới. Nội dung các tấm liễn thường là những chữ: “Xuất nhập bình an”, “Ngũ phúc lâm môn”, “Hợp gia hòa khí”, “Tứ quý bình an”, “Hoa khai phú quý”... Bàn thờ tổ tiên được

đặt giữa nhà – gian chánh, cao một cách trang trọng nhất, có bài vị màu đỏ, chữ nhũ vàng. Ngoài sân, sau bếp người Hoa cũng đặt bài vị thờ nhiều thần linh.

Ngoài việc dán liên trong ngày Tết Nguyên Đán, một đặc trưng văn hóa khác của người Hoa rất nổi bật, đó là múa Lân, Sư, Rồng (người Kinh thường gọi là con cù “múa cù”). Mỗi khi Tết đến, không khí rất nhộn nhịp, người người tấp tểnh, nhiều đội Lân, Sư, Rồng đến từng nhà, cơ quan múa để chúc Tết. Sau khi múa, gia chủ hoặc đại diện đơn vị li xì. Người Hoa quan niệm, may mặc hoặc mua quần áo mới cho mọi người trong gia đình để cùng nhau ăn mặc đẹp. Mừng một Tết, con cháu trong gia đình tựu về nhà cha mẹ, ông bà nội để chúc Tết và li xì (đựng trong bao màu đỏ) cho nhau. Họ chọn người xông đất, người đó là người đầu tiên đến nhà vào mừng một Tết, phải hợp tuổi gia đình họ với niềm tin sẽ gặp nhiều may mắn trong năm mới. Người Hoa An Giang cũng có quan niệm giống người Kinh: “Mừng một Tết cha, mừng hai Tết mẹ, mừng ba Tết thầy”.

Món ăn truyền thống, đặc biệt là trong các ngày Tết của người Hoa nói chung và người Hoa An Giang nói riêng về cơ bản không khác nhau nhiều. Có thể nói, người Hoa An Giang nói riêng và người Hoa nói chung khá thành công trong kinh doanh các món ăn tại các cửa hàng. Họ biết khai thác các món ăn truyền thống của mình trong kinh doanh, chẳng hạn món giò heo kho dưa cải, cá chẻm chưng tương, hằm vĩ,... được nhiều người Kinh ưa thích (Cụm từ “ăn cơm Tàu” trong “Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật” xuất hiện trong thời gian sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai và trước khi đất nước Việt Nam bị chia hai hàm ý ở đây nói lên cái ước mơ của khoảng 98-99% người Việt bấy giờ đời sống còn rất khó khăn, chưa quen phố xá, thành thị, mơ được ăn “cơm Tàu” cho biết thế nào, thoả mãn ước mơ được ăn cơm tiệm ra sao... chứ không hẳn cơm Tàu hoàn toàn ngon hơn cơm Việt). Ở các miếu thờ, người Hoa thường cúng các món: thịt heo quay, bánh quy, vịt luộc, bánh bò, bánh tổ, bánh lá liễu... Vào những ngày 29 hoặc 30 âm lịch, ngoài hoa quả, người Hoa làm thêm những món khác như thịt heo luộc hoặc ram, thịt gà luộc nguyên con, mì xào, bún tàu xào... để cúng ông bà, tổ tiên và các vị tiên phật, thần thánh. Ý nghĩa của các món ăn này là sự mong muốn, ước vọng có cuộc sống sung túc.

Khác với người Kinh, người Hoa không cúng nước, đưa ông bà, ngày cúng ba bữa. Đến giờ giao

thừa, người Hoa bày hương đèn, trà nước, bánh mứt ra ngoài phía trước cửa chính để cúng, còn gọi là cúng ông trời. Người Phước Kiến quan niệm, cúng giao thừa phải bày đủ 12 loại bánh mứt tượng trưng cho 12 tháng trong năm, năm nào nhuần thì cúng 13 loại. Và cũng khác với người Khmer, đa số người Hoa sống tập trung ở thành phố, thị xã, thị trấn. Họ có mối quan hệ chặt chẽ với người Hoa trong vùng và nhiều nước trên thế giới. Đồng bào người Hoa phần lớn theo Phật giáo Đại thừa, đạo Không và tín ngưỡng dân gian. Một bộ phận lớn kinh doanh thương mại, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có cuộc sống ổn định, thu nhập cao hơn so với các dân tộc khác.

Có thể nói, văn hóa người Hoa có ảnh hưởng khá nhiều đến dân tộc Kinh và một số dân tộc khác ở An Giang. Thật vậy, trước đây và hiện nay, trong những ngày “vía” các vị thánh, ngôi miếu thờ là nơi không chỉ cộng đồng người Hoa tập trung chiêm bái mà còn thu hút cả người Kinh và một số người thuộc dân tộc khác đến tham dự. Chúng ta còn thấy điều này qua các phong tục, tập quán trong các ngày lễ, tết như nói trên đây. Ở đó, người Kinh và Hoa ở An Giang đã có nhiều điểm tương đồng về nghi thức cũng như quan niệm nhân sinh. Trong quá trình cộng cư lâu dài giữa người Hoa và người Kinh ở An Giang đã có sự tiếp xúc, tiếp biến và hội nhập văn hóa giữa hai dân tộc mà những nét văn hóa truyền thống độc đáo riêng mình không bị đánh mất, góp phần làm phong phú bản sắc văn hóa Việt Nam nói chung.

Như chúng ta biết, vùng đất An Giang trước đây gồm 2 khu vực: Phía Tân Châu, Ông Chưởng, Chợ Mới do điều kiện tự nhiên, dễ canh tác, nên dân cư tập trung đông đúc hơn; còn phía hữu ngạn sông Hậu là vùng rừng núi hoang vu, đất đai không màu mỡ bằng hữu ngạn sông Tiền, không thuận lợi trong việc canh tác, nên dân cư tập trung thưa thớt hơn. Năm 1817, năm Đinh Sửu, việc di dân lập ấp, xây dựng nhiều nhà cửa, đình chùa là có công đóng góp rất lớn của Thoại Ngọc Hầu. Năm 1818, theo lệnh triều đình, Nguyễn Văn Thoại đốc suất đào kinh Đông Xuyên ra đến Rạch Giá, tạo điều kiện canh tác thuận lợi cho dân khẩn hoang 2 bên bờ kênh. Khi kênh Vĩnh Tế hoàn thành, Nguyễn Văn Thoại cho đắp con đường từ Châu Đốc đến núi Sam. Từ đây, người dân từ Châu Đốc di chuyển vào núi Sam khai hoang, khẩn ruộng, dần tiến dần đến khai phá vùng Tịnh Biên. Đầu thế kỷ XIX, nhiều lần quân Xiêm xâm lấn nước ta, tàn phá nhiều vùng Hà Tiên, Châu

Độc. Đến năm 1833, quân Xiêm tàn phá dọc kênh Vĩnh Tế, chiếm Châu Đốc rồi tràn qua Tân Châu. Tuy vậy, chỉ sau năm năm, dân cư tập trung trở lại, thành lập hàng chục thôn rải rác từ núi Sam dọc theo hai bờ kênh Vĩnh Tế về phía Hà Tiên. Gia tộc Lê Công, gốc người Thanh Hóa là một trong những nhóm di dân đến khai phá vùng Châu Đốc (khoảng năm 1785 – 1837), hiện nay con cháu đời thứ 7 còn cư ngụ tại vùng đất này. Gia tộc thứ hai cũng có công khai phá vùng Châu Đốc là dòng Nguyễn Khắc, thuộc con cháu của Nguyễn Văn Thoại.

3. KẾT LUẬN

An Giang là một tỉnh biên giới ở miền Tây Nam Bộ, có số dân đông nhất Đồng bằng sông Cửu Long và đứng hàng thứ 6 cả nước với nhiều dân tộc sinh sống, trong đó có ba dân tộc thiểu số có số dân đông và có truyền thống văn hóa với những nét độc đáo riêng mình, đó là dân tộc Khmer, Chăm, Hoa. Trải qua thăng trầm của lịch sử, các dân tộc này cùng với dân tộc Kinh và các dân tộc khác đã cùng tồn tại, đoàn kết bên nhau, chung sức chung lòng, đấu tranh để bảo vệ và xây dựng quê hương ngày càng tươi đẹp. Đặc biệt là, trải qua gần 2 thế kỷ hình thành và phát triển, truyền thống văn hóa của các dân tộc đã được kế

thừa và phát triển, tạo nên bản sắc văn hóa độc đáo cho miền đất An Giang, từng được mệnh danh là địa linh nhân kiệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Dân tộc tỉnh An Giang. (2014). *Báo cáo tổng hợp số liệu dân tộc thiểu số tỉnh An Giang. Số 19/BC-BDT, ngày 22/4/2014.*
- Ban Tôn giáo tỉnh An Giang. (2011). *Báo cáo tin ngưỡng người Hoa của Ban Tôn giáo năm 2011.*
- Louis Malleret. (1964). *La minorité Cambodgienne de Cochinchine*, B.S.E.I, n.s, XXI, 1964. (Người dịch Nguyễn Xuân Nghĩa, Bản đánh máy). Trung tâm nghiên cứu Dân tộc học và Tôn giáo, Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tỉnh An Giang. Truy cập từ http://vi.wikipedia.org/wiki/An_Giang
- Tỉnh ủy An Giang. (2013). *Thông báo TB-160/BBT của Tỉnh ủy An Giang, năm 2013.*
- Tỉnh ủy An Giang. (2015). *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2015.* Tài liệu phục vụ Đoàn công tác Chủ tịch nước, ngày 28/01/2015.
- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. (2011). *Chỉ thị 68/TW của UBND tỉnh An Giang.*
- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. (2013). *Địa chí An Giang.* Chịu trách nhiệm xuất bản Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy An Giang.